TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2019/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 20 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/01/2019 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lèo Thị M, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tạm trú tại: Bản B, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Lò Văn B, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lèo Thị M và anh Lò Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Chị Lèo Thị M và anh Lò Văn B nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị M và anh B có 02 con chung. Anh Lò Văn B trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Tùng D, sinh ngày 16/6/2012 và cháu Lò trọng H, sinh ngày 08/11/2016 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Chị Lèo Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B do anh B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chi M và anh B đã tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung vợ chồng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

đ. Về án phí: Chị Lèo Thị M nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002105 ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã B, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga